

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Tháng 08 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO XOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH TỈNH BẮC NINH

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Tân	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/05/2021)
Ông Lưu Xuân Tâm	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01/05/2021)
Ông Trần Đại Hải	Thành viên
Bà Vũ Thị Chuyên	Thành viên
Ông Ngô Minh Châu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Xuân Tâm	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2021)
Ông Vũ Hữu Tân	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2021)
Ông Trần Đại Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Xuân Tâm	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2021)
Ông Nguyễn Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/04/2020)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Xuân Tâm	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2021)
Ông Vũ Hữu Tân	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2021)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH TỈNH BẮC NINH

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Xuân Tâm
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2021

Số: 347/VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh

Chúng tôi đã tiến hành soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 09 tháng 08 năm 2021 từ trang 05 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là “báo cáo tài chính giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ về việc Công ty đang tạm hạch toán giao dịch tạm nhận bàn giao công trình Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh để quản lý vận hành tương tự như một giao dịch thuê hoạt động với chi phí thuê tạm trích theo Công văn hướng dẫn của Ủy ban Nhân dân tỉnh, mặc dù Công ty chưa nhận được quyết định bàn giao tài sản chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

Kết luận của kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề này.



The image shows a red circular stamp of the audit firm VACO. The stamp contains the text: "M.S.D.N. 0102646886 - C.T.T.H.H.", "CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO", and "THÀNH PHỐ HÀ NỘI". A blue ink signature is written across the stamp.

Nguyễn Đức Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.976.686.398	174.241.441.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.001.799.122	23.871.721.269
1. Tiền	111		2.949.182.424	5.299.428.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.052.616.698	18.572.292.322
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		97.038.893.151	99.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	97.038.893.151	99.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.573.726.103	30.149.365.280
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	27.284.185.172	20.398.556.163
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.065.033.973	4.240.869.608
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.224.506.958	5.509.939.509
IV. Hàng tồn kho	140	9	18.243.957.194	17.363.762.189
1. Hàng tồn kho	141		18.243.957.194	17.363.762.189
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.118.310.828	3.856.592.455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	10.674.750	93.834.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.107.636.078	3.762.757.705
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		444.126.862.279	452.504.410.489
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.895.795.360
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	1.895.795.360
II. Tài sản cố định	220		415.075.357.685	433.132.016.146
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	410.924.149.875	426.617.878.701
- Nguyên giá	222		693.210.149.643	690.309.681.886
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(282.285.999.768)	(263.691.803.185)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	4.151.207.810	6.514.137.445
- Nguyên giá	228		7.828.798.850	10.133.603.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.677.591.040)	(3.619.466.005)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.781.315.908	8.962.623.864
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	10.781.315.908	8.962.623.864
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.456.824.843	5.456.824.843
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	5.456.824.843	5.456.824.843
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.813.363.843	3.057.150.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	12.813.363.843	3.057.150.276
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		606.103.548.677	626.745.851.682

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		207.130.350.037	211.432.526.271
I. Nợ ngắn hạn	310		68.397.943.519	67.453.003.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.638.334.600	6.541.352.121
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		135.124.000	135.124.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	11.604.843.738	5.040.092.855
4. Phải trả người lao động	314		7.323.561.947	13.116.601.267
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		66.693.121	990.214.826
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	30.865.891.564	32.864.173.115
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	8.717.895.095	8.084.306.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.045.599.454	681.139.454
II. Nợ dài hạn	330		138.732.406.518	143.979.522.633
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	94.509.288.031	95.275.662.051
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	44.223.118.487	48.703.860.582
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		398.973.198.640	415.313.325.411
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	398.973.198.640	415.313.325.411
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		375.493.910.000	375.493.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		375.493.910.000	375.493.910.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.479.288.640	39.819.415.411
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.903.341.040	16.713.714.651
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.575.947.600	23.105.700.760
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		606.103.548.677	626.745.851.682



Lưu Xuân Tâm
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Dung
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	94.071.958.316	81.493.847.571
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		94.071.958.316	81.493.847.571
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	20	74.797.825.857	62.049.955.428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.274.132.459	19.443.892.143
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.168.769.824	3.562.289.922
7. Chi phí tài chính	22	23	1.256.086.209	1.411.282.929
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.256.086.209	1.411.282.929
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	5.394.892.283	4.641.448.897
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		15.791.923.791	16.953.450.239
10. Thu nhập khác	31		56.649.454	7.000.000
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		56.649.454	7.000.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.848.573.245	16.960.450.239
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.218.625.645	2.382.768.403
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		13.629.947.600	14.577.681.836
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	359	385



Lưu Xuân Tâm
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Dung
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.848.573.245	16.960.450.239
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.088.640.734	12.574.036.788
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.168.769.824)	(3.562.289.922)
- Chi phí lãi vay	06	1.256.086.209	1.411.282.929
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.024.530.364	27.383.480.034
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.521.604.149)	(10.708.849.442)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.091.571.830)	3.276.820.304
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.873.369.218)	30.829.751.951
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.609.458.038)	(78.130.866)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.309.147.098)	(1.489.457.094)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.018.872.844)	(2.697.667.285)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(135.540.000)	(1.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.464.967.187	46.514.897.602
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.939.698.949)	(54.210.332.928)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(75.000.000.000)	(90.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	76.961.106.849	100.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.816.930.137	6.538.060.949
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.838.338.037	(37.672.271.979)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	31.202.053.821
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.847.153.000)	(16.774.181.581)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.326.074.371)	(15.019.756.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(33.173.227.371)	(591.884.160)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(13.869.922.147)	8.250.741.463
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.871.721.269	11.911.018.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	10.001.799.122	20.161.759.770



Lưu Xuân Tâm
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Dung
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 09 tháng 04 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 375.493.910.000 VND (Bằng chữ. Ba trăm bảy mươi năm tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 307 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 313 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình chuyên ngành cấp nước;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, xử lý chất thải, các công trình điện, đường dây trạm biến thế 35KV;
- Sản xuất và kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư ngành nước;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và nông thôn, xử lý nước thải và nước sinh hoạt;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp, môi trường nước;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất đối với công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp; và
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, khảo sát xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và kinh doanh nước sạch và xây dựng các công trình cấp thoát nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)******Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)***

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của các tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm đối với phần mềm kế toán, từ 14 năm đến 20 năm đối với tài sản cố định vô hình khác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được ghi nhận vào sổ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê cơ sở hạ tầng: Tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước cho Công ty TNHH Long Phương mà Công ty đang quản lý và vận hành kinh doanh, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa thường xuyên hệ thống các tuyến cấp nước phát sinh một lần có giá trị lớn, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

Tiền đền bù giải phóng mặt bằng: Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng đã trả liên quan đến các điểm thuê đất trả tiền hàng năm mà Công ty đang sử dụng, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Công cụ, dụng cụ: Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích trong tương lai. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 (bốn) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo, ưu đãi thuế này được Công ty bắt đầu áp dụng từ năm 2020 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án đầu tư nhà máy nước mặt công suất 30.000 m³/ngày đêm.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương
Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Công ty liên kết
Lãnh đạo chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh,
Tỉnh Bắc Ninh**MÃ SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	44.157.500	146.368.704
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.905.024.924	5.153.060.243
Các khoản tương đương tiền (i)	7.052.616.698	18.572.292.322
Cộng	10.001.799.122	23.871.721.269

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng, lãi nhập gốc, lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,3%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	97.038.893.151	97.038.893.151	99.000.000.000	99.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	97.038.893.151	97.038.893.151	99.000.000.000	99.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Tiền gửi tại các ngân hàng với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất giao động từ 3,7%/năm đến 7,5%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Đầu tư cấp nước Bắc Ninh (i)	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-
Công ty CP Cấp nước số 2 Bắc Ninh (ii)	2.456.824.843	-	-	2.456.824.843	-	-
Cộng	5.456.824.843	-	-	5.456.824.843	-	-

Ghi chú:

- (i) Công ty TNHH Đầu tư Cấp nước Bắc Ninh là Công ty TNHH Hai thành viên, là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được thành lập theo Thỏa thuận Hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Long Phương ký ngày 15/11/2018.
- (ii) Giá gốc khoản đầu tư vào Công ty liên kết bao gồm 1.650.000.000 VND là giá mua và 806.824.843 VND là phần chênh lệch do đánh giá lại theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/10/2015 và theo Biên bản Thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp của Ban Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh ngày 09/06/2016. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty là 20,63% trong công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư Cấp nước Bắc Ninh	Bắc Ninh	60,00%	Đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước, quản lý vận hành hệ thống cấp thoát nước
Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh	Bắc Ninh	20,63%	Đầu tư, xây dựng sản xuất và kinh doanh nước

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

Công ty TNHH Đầu tư cấp nước Bắc Ninh chưa hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh có trụ sở tại số 98, đường Võ Thị Sáu, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh là hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh hệ thống cấp, thoát nước.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh và công ty liên kết tại ngày 30/06/2021 cần được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu khách hàng sử dụng nước khu vực Bắc Ninh	25.908.287.172	18.642.150.163
Phải thu khách hàng dịch vụ xây lắp	1.375.898.000	1.756.406.000
Cộng	27.284.185.172	20.398.556.163

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	-	3.100.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Công Nghệ Nước	765.600.000	-
Viện thủy công	-	600.000.000
Các đối tượng khác	299.433.973	540.869.608
Cộng	1.065.033.973	4.240.869.608

Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh,
Tỉnh Bắc Ninh**MẪU SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn	6.224.506.958		5.509.939.509	
Tạm ứng	479.070.200		310.410.000	
Phải thu khác	5.745.436.758		5.199.529.509	
Lãi dự thu tiền gửi và cho vay	2.615.378.287		4.459.623.532	
Phải thu Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh	494.714.134		-	
Khoản tiền đền bù, giải phóng mặt bằng thừa (i)	1.895.795.360			
Các đối tượng khác	739.548.977		739.905.977	
b) Dài hạn	-		1.895.795.360	
Phải thu khác (i)	-		1.895.795.360	
Cộng	6.224.506.958		7.405.734.869	

Ghi chú:

- (i) Phản ánh số tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho phần đất đền bù thừa của công trình nhà máy nước Chờ - Gia Bình. Ngày 17 tháng 12 năm 2018, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 4859/UBND-XDCB cho phép Công ty sử dụng phần đất đền bù thừa nêu trên để đầu tư xây dựng nâng cấp trạm bơm nước diện tích 500 m².

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.623.221.838	-	9.278.881.378	-
Công cụ, dụng cụ	18.023.113	-	27.623.113	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.602.712.243	-	8.057.257.698	-
Cộng	18.243.957.194	-	17.363.762.189	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

10. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	95.231.647.319	26.989.043.063	372.595.370.451	2.846.344.336	192.647.276.717	690.309.681.886
- Mua trong kỳ	-	89.000.000	-	-	-	89.000.000
- XDCB hoàn thành, tạm bàn giao	-	2.740.499.757	70.968.000	-	-	2.811.467.757
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	95.231.647.319	29.818.542.820	372.666.338.451	2.846.344.336	192.647.276.717	693.210.149.643
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	41.847.154.214	12.184.075.781	127.848.050.508	1.484.701.931	80.327.820.751	263.691.803.185
- Khấu hao trong kỳ	2.455.687.962	1.159.769.232	9.523.424.831	177.981.804	5.277.332.754	18.594.196.583
Số dư cuối kỳ	44.302.842.176	13.343.845.013	137.371.475.339	1.662.683.735	85.605.153.505	282.285.999.768
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu kỳ	53.384.493.105	14.804.967.282	244.747.319.943	1.361.642.405	112.319.455.966	426.617.878.701
Số dư cuối kỳ	50.928.805.143	16.474.697.807	235.294.863.112	1.183.660.601	107.042.123.212	410.924.149.875

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 49.251.396.520 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 14.070.349.158 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã được đem đi thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là khoảng 79.401 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 108.218 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	38.000.000	10.095.603.450	10.133.603.450
- Giảm khác (i)	-	(2.304.804.600)	(2.304.804.600)
Số dư cuối kỳ	38.000.000	7.790.798.850	7.828.798.850
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	32.930.333	3.586.535.672	3.619.466.005
- Khấu hao trong kỳ	3.800.000	295.534.106	299.334.106
- Giảm khác	-	(241.209.071)	(241.209.071)
Số dư cuối kỳ	36.730.333	3.640.860.707	3.677.591.040
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	5.069.667	6.509.067.778	6.514.137.445
Số dư cuối kỳ	1.269.667	4.149.938.143	4.151.207.810

Ghi chú:

(i) Khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng trạm tăng áp Đại Phúc phân loại sang chi phí trả trước.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trụ sở làm việc Công ty	5.998.420.346	6.001.911.255
Tuyến ống nước thô Chờ	1.708.545.763	1.782.179.062
Lắp đặt tuyến cấp nước Hòa Long, Đại Phúc	2.326.295.834	956.755.023
Công trình khác	748.053.965	221.778.524
Cộng	10.781.315.908	8.962.623.864

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.674.750	93.834.750
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.674.750	93.834.750
b) Dài hạn	12.813.363.843	3.057.150.276
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	664.425.821	800.209.896
Trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng (i)	8.450.000.000	-
Chi phí sửa chữa	1.635.342.493	2.256.940.380
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	2.063.595.529	-
Cộng	12.824.038.593	3.150.985.026

Ghi chú:

(i) Khoản tiền trả trước thuê các hệ thống đường ống cấp nước của Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sông Cầu	2.727.631.200	2.727.631.200	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh	841.262.000	841.262.000	1.909.262.000	1.909.262.000
Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh	722.942.124	722.942.124	722.942.124	722.942.124
Công ty Cổ phần Đông Á	713.577.480	713.577.480	42.262.000	42.262.000
Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	514.178.830	514.178.830	1.031.161.525	1.031.161.525
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	36.908.740	36.908.740	1.166.645.040	1.166.645.040
Các đối tượng khác	3.081.834.226	3.081.834.226	1.669.079.432	1.669.079.432
Cộng	8.638.334.600	8.638.334.600	6.541.352.121	6.541.352.121

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.018.872.844	2.218.625.645	1.018.872.844	2.218.625.645
Thuế thu nhập cá nhân	40.783.074	375.633.934	413.425.880	2.991.128
Thuế tài nguyên	81.332.510	470.525.360	469.033.630	82.824.240
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	126.425.580	126.425.580	-
Các loại thuế khác	3.899.104.427	9.538.647.933	4.137.349.635	9.300.402.725
Cộng	5.040.092.855	12.729.858.452	6.165.107.569	11.604.843.738

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	30.865.891.564	32.864.173.115
Kinh phí công đoàn	120.545.000	160.284.000
Bảo hiểm xã hội	348.661.500	-
Bảo hiểm y tế	61.528.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	27.346.000	-
Phải trả khác	30.307.810.564	32.703.889.115
<i>Phí thuê vận hành nhà máy nước (i)</i>	<i>16.658.000.000</i>	<i>17.658.000.000</i>
<i>Công ty CP Tập đoàn Long Phương (ii)</i>	<i>3.873.349.605</i>	<i>3.286.800.349</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư cấp nước Bắc Ninh</i>	<i>4.188.494.806</i>	<i>4.188.494.806</i>
<i>Phải trả hỗ trợ dự án (iii)</i>	<i>2.872.462.145</i>	<i>2.872.462.145</i>
<i>Phải trả đội thi công xây lắp</i>	<i>1.295.450.178</i>	<i>2.458.706.810</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>1.420.053.830</i>	<i>2.239.425.005</i>
b) Phải trả dài hạn khác	94.509.288.031	95.275.662.051
<i>Phải trả hỗ trợ dự án (iii)</i>	<i>67.303.010.304</i>	<i>67.303.010.304</i>
<i>Công ty CP Tập đoàn Long Phương (iv)</i>	<i>27.206.277.727</i>	<i>27.972.651.747</i>
Cộng	125.375.179.595	128.139.835.166
Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan	35.268.122.138	35.447.946.902
(Chi tiết tại thuyết minh số 29)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Đây là khoản phí thuê liên quan đến việc vận hành khai thác công trình nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh. Công ty đang tạm nhận bàn giao công trình từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh vào ngày 29/06/2017 để tiến hành quản lý vận hành theo Văn bản số 1826/UBND-XDCB ngày 12/06/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định bàn giao chính thức từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh liên quan tới công trình này. Do đó, Công ty đang hạch toán giao dịch tạm nhận bàn giao này tương tự như một giao dịch thuê hoạt động, ghi nhận tiền thuê vào giá vốn, tương ứng phải trả ngắn hạn khác theo Công văn số 1391/UBND-KTTH về việc trích kinh phí quản lý vận hành Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh.
- (ii) Là khoản lợi nhuận và khấu hao mà liên doanh Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/HĐHTKD/LP-BANIWACO ngày 28/05/2020.
- (iii) Khoản tiền Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cho Công ty mượn để thực hiện các Dự án Nhà máy nước sạch. Số tiền phải trả hàng năm sẽ do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh tính toán và thông báo với Công ty bằng văn bản.
- (iv) Vốn góp hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/HĐHTKD/LP-BANIWACO ngày 28/05/2020. Số vốn góp này sẽ được giảm dần qua các năm khi Công ty thanh toán tiền khấu hao cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thì Công ty có trách nhiệm hạch toán kế toán, kê khai doanh thu chi phí của hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	8.717.895.095	8.717.895.095	3.847.153.000	4.480.742.095	8.084.306.000	8.084.306.000
Vay dài hạn đến hạn trả	8.717.895.095	8.717.895.095	3.847.153.000	4.480.742.095	8.084.306.000	8.084.306.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Kinh Bắc	5.800.365.095	5.800.365.095	2.388.388.000	3.021.977.095	5.166.776.000	5.166.776.000
Bộ Tài chính	2.917.530.000	2.917.530.000	1.458.765.000	1.458.765.000	2.917.530.000	2.917.530.000
<i>b) Vay dài hạn</i>	44.223.118.487	44.223.118.487	4.480.742.095	-	48.703.860.582	48.703.860.582
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Kinh Bắc	21.786.917.287	21.786.917.287	3.021.977.095	-	24.808.894.382	24.808.894.382
Bộ Tài chính	22.436.201.200	22.436.201.200	1.458.765.000	-	23.894.966.200	23.894.966.200
Cộng	52.941.013.582	52.941.013.582	8.327.895.095	4.480.742.095	56.788.166.582	56.788.166.582

Chi tiết các khoản vay:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Tài sản đảm bảo
VND	10%-11%	2026-2027	27.587.282.382	29.975.670.382	Tài sản hình thành từ vốn vay
VND	3%-6%	2025-2030	25.353.731.200	26.812.496.200	Tài sản hình thành từ vốn vay
Cộng			52.941.013.582	56.788.166.582	

Ghi chú:

- (i) Bao gồm các hợp đồng vay trong thời gian 10 năm để đầu tư các công trình mạng lưới cấp nước và xây dựng nhà máy nước mặt công suất 30.000m³/ngày đêm, với lãi suất 10,5% và 11%/ năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 6 tháng chính 6 tháng một lần. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

(ii) Vay của Bộ Tài chính theo các hợp đồng, phụ lục:

- Hiệp định vay lại ngày 16/12/2009, Bộ Tài chính đồng ý cho Công ty một phần Khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 3.009.909 USD trong tổng mức đầu tư 68.760.070.000 VND của dự án xây dựng hệ thống cấp nước thị trấn Chờ, huyện Yên Phong và thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình. Khoản vay sẽ được trả trong vòng 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó có 3 năm ân hạn. Công ty được miễn lãi trong thời gian ân hạn, sau đó Công ty sẽ trả lãi Bộ Tài chính vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm bằng đồng Việt Nam, lãi suất 3%/năm dựa vào số dư nợ từng thời điểm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- Hiệp định vay phụ ngày 06/04/2006, Bộ Tài chính đồng ý cho Công ty một phần Khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 337.500 CHF để đầu tư dự án Thí điểm thiết kế - Xây dựng - Vận hành hệ thống cấp nước tại thị trấn Lim, tỉnh Bắc Ninh. Khoản vay sẽ được trả trong vòng 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó có 3 năm ân hạn. Công ty được miễn lãi trong thời gian ân hạn, sau đó Công ty sẽ trả lãi Bộ Tài chính vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm bằng đồng Việt Nam, lãi suất 6%/năm dựa vào số dư nợ từng thời điểm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được thanh toán theo lịch trả nợ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.717.895.095	8.084.306.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	32.479.820.958	33.151.161.339
Sau năm năm	11.743.297.529	15.552.699.243
Cộng	52.941.013.582	56.788.166.582
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	8.717.895.095	8.084.306.000
Số phải trả sau 12 tháng	44.223.118.487	48.703.860.582

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	375.493.910.000	35.980.910.151	411.474.820.151
Lợi nhuận trong kỳ	-	34.586.518.060	34.586.518.060
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	(492.500.000)	(492.500.000)
Chia cổ tức 2019 và năm 2020 (i)	-	(30.039.512.800)	(30.039.512.800)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	(216.000.000)	(216.000.000)
Số dư đầu kỳ này	375.493.910.000	39.819.415.411	415.313.325.411
Lợi nhuận trong kỳ	-	13.629.947.600	13.629.947.600
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 (i)	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức 2020 và năm 2021 (i)	-	(29.326.074.371)	(29.326.074.371)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	(144.000.000)	(144.000.000)
Số dư cuối kỳ này	375.493.910.000	23.479.288.640	398.973.198.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2021, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 6,81%, tạm ứng đợt 1 là 3%, chi trả đợt 2 là 3,81% và trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 là 500.000.000 VND; Thông qua đề xuất phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2021. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/NQ/HĐQT-NSBN ngày 25/05/2021, quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2021 với tỷ lệ 4%/ cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh toán toàn bộ cổ tức cho cổ đông.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 09 tháng 04 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 375.493.910.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	184.202.790.000	49,06%	184.202.790.000	184.202.790.000
Công ty CP Tập đoàn Long Phương	131.652.450.000	35,06%	131.652.450.000	131.652.450.000
Các cổ đông khác	59.638.670.000	15,88%	59.638.670.000	59.638.670.000
Cộng	375.493.910.000	100,0%	375.493.910.000	375.493.910.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.549.391	37.549.391
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.549.391	37.549.391
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.549.391	37.549.391
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.549.391	37.549.391
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.549.391	37.549.391
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.549.391	37.549.391
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ CP)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu nước sạch	89.172.238.013	76.802.320.508
Doanh thu xây lắp	4.506.210.783	4.298.017.543
Doanh thu cho thuê tài sản	393.509.520	393.509.520
Cộng	94.071.958.316	81.493.847.571
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 29)	393.509.520	349.332.310

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn nước sạch	69.659.484.702	57.506.080.824
Giá vốn xây lắp	4.386.892.485	4.194.542.294
Giá vốn cho thuê tài sản	751.448.670	349.332.310
Cộng	74.797.825.857	62.049.955.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.199.322.068	4.904.675.853
Chi phí nhân công	23.809.039.528	21.434.583.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.088.640.734	12.574.036.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.559.852.241	9.217.683.547
Chi phí khác bằng tiền	9.481.303.114	8.176.924.233
Cộng	67.138.157.685	56.307.904.275

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.053.269.824	3.397.289.922
Cổ tức, lợi nhuận được chia	115.500.000	165.000.000
Cộng	3.168.769.824	3.562.289.922
Trong đó, doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 29)	115.500.000	165.000.000

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.256.086.209	1.411.282.929
Cộng	1.256.086.209	1.411.282.929

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.937.944.875	2.724.032.887
Chi phí vật liệu quản lý	221.648.797	180.006.335
Chi phí khấu hao TSCĐ	138.580.776	48.541.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	504.236.091	457.418.680
Các khoản chi phí QLDN khác	592.481.744	1.231.449.302
Cộng	5.394.892.283	4.641.448.897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	15.848.573.245	16.960.450.239
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(39.000.042)	(165.000.000)
<i>Trừ: thu nhập không chịu thuế</i>	(115.500.000)	(165.000.000)
<i>Cộng: các chi phí không được trừ</i>	76.499.958	-
Thu nhập chịu thuế	15.809.573.203	16.795.450.239
Trong đó:		
Thu nhập được miễn thuế (i)	4.716.444.978	4.881.608.226
Thu nhập chịu thuế thu nhập thông thường	11.093.128.225	11.913.842.013
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.218.625.645	2.382.768.403
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.218.625.645	2.382.768.403

Ghi chú:

- (i) Khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án đầu tư nhà máy nước mặt công suất 30.000 m³/ngày đêm thuộc Quyết định chủ trương đầu tư số 668/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Công ty đang xác định khoản thu nhập trên là thu nhập từ dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 (bốn) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2020.

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính như trình bày bên trên. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế	13.629.947.600	14.577.681.836
Thù lao Hội đồng Quản trị	144.000.000	108.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.485.947.600	14.469.681.836
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	37.549.391	37.549.391
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	359	385
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

27. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước, lĩnh vực xây lắp, lắp đặt các công trình phục vụ cho hoạt động cấp nước và cho thuê tài sản. Doanh thu từ lĩnh vực xây lắp, lắp đặt và cho thuê tài sản chiếm khoảng 5,21% tổng doanh thu tương ứng với tỷ trọng nhỏ, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ (i)	1.450.000.000	750.000.000

Ghi chú:

(i) Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Theo hợp đồng thuê đường ống cấp nước số 01/HĐKT/2018 ký ngày 20/12/2017 giữa Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty TNHH Long Phương tại 04 xã: Bồng Lai, Việt Hùng, Phương Mao, Phương Liễu thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh để quản lý vận hành kinh doanh dịch vụ cấp nước. Thời hạn thuê từ ngày 01/01/2018 đến ngày 01/01/2045 với tổng thời hạn là 27 năm với giá trị thuê 1 năm chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng trong 3 năm đầu là 1.500.000.000 VND/năm, từ năm thứ 4 đến năm thứ 7 là 1.700.000.000 VND/năm và từ năm thứ 8, căn cứ vào thực tế thương thảo.

Theo hợp đồng thuê đường ống cấp nước số 02/HĐKT/2020 ký ngày 08/01/2020 giữa Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty TNHH Long Phương tại 03 phường: Đồng Kỵ, Đồng Nguyên, Tân Hồng thuộc thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh để quản lý vận hành kinh doanh dịch vụ cấp nước. Thời hạn thuê từ ngày 01/08/2020 đến ngày 01/01/2047 với tổng thời hạn là 27 năm với giá trị thuê 1 năm chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng trong 3 năm đầu là 1.200.000.000 VND/năm, từ năm thứ 4 đến năm thứ 5 là 1.500.000.000 VND/năm và từ năm thứ 6, căn cứ vào thực tế thương thảo.

Theo hợp đồng thuê đất số 111/HĐ-ĐĐ ngày 25/12/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cho Công ty thuê 6.264 m², thời hạn thuê từ ngày 21/06/2019 đến ngày 21/06/2069 nhằm mục đích xây dựng nhà máy nước mặt công suất 30.000 m³/ngày đêm, tiền thuê đất hàng năm thực hiện theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thuê hoạt động công trình nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh, Công ty nhận bàn giao từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh. Công ty đang tạm hạch toán chi phí thuê hàng năm theo Thông báo số 1391/UBND-KTTH ngày 24/04/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh (xem Thuyết minh số 16).

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	2.900.000.000	2.900.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.550.000.000	7.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	393.509.520	349.332.310
Công ty CP Cấp nước số 2 Bắc Ninh	393.509.520	349.332.310
Mua hàng hóa, dịch vụ	9.009.183.396	750.000.000
Công ty CP Tập đoàn Long Phương	9.009.183.396	750.000.000
Nhận cổ tức	115.500.000	165.000.000
Công ty CP Cấp nước số 2 Bắc Ninh	115.500.000	165.000.000
Trả cổ tức từ hoạt động kinh doanh	24.668.294.244	6.582.622.500
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	14.386.237.899	-
Công ty CP Tập đoàn Long Phương	10.282.056.345	6.582.622.500
Trả lợi nhuận từ hoạt động liên doanh	3.324.121.418	-
Công ty CP Tập đoàn Long Phương	3.324.121.418	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Ứng trước cho người bán	-	3.100.000.000
Công ty CP Tập đoàn Long Phương	-	3.100.000.000
Phải trả khác	35.268.122.138	35.447.946.902
Công ty CP Tập đoàn Long Phương	31.079.627.332	31.259.452.096
Công ty TNHH Đầu tư cấp nước Bắc Ninh	4.188.494.806	4.188.494.806
Phải trả người bán	722.942.124	722.942.124
Công ty CP Cấp nước số 2 Bắc Ninh	722.942.124	722.942.124

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Ông Trần Đại Hải	189.404.545	157.104.182
Ông Lưu Xuân Tâm	171.283.636	126.081.455
Ông Nguyễn Đình Tôn	151.596.364	41.372.000
Ông Vũ Hữu Tân	102.731.818	168.118.909
Ông Nguyễn Tiến Long	60.000.000	48.000.000
Bà Vũ Thị Chuyên	42.000.000	30.000.000
Ông Ngô Minh Châu	42.000.000	30.000.000
	759.016.364	600.676.545

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 1.568.084.027 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản trong kỳ không bao gồm 1.211.376.825 VND, là số tiền kết chuyển từ hàng tồn kho vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ, vì vậy một khoản tiền tương ứng cũng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét, một số chỉ tiêu được trình bày lại nhằm mục đích so sánh:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số đã báo cáo</u> VND	<u>Số điều chỉnh</u> VND	<u>Số trình bày lại</u> VND	<u>Ghi chú</u>
Điều chỉnh chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ				
1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	13.332.028.709	(757.991.921)	12.574.036.788	(i)
2. Tăng, giảm các khoản phải trả	30.071.760.030	757.991.921	30.829.751.951	(i)

Ghi chú:

- (i) Điều chỉnh do kỳ trước chưa giảm trừ phần khấu hao phân chia cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/HĐHTKD/LP-BANIWACO ngày 28/05/2020.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số trên Bảng cân đối kế toán của báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.



Lưu Xuân Tâm
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Dung
Người lập biểu